|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN AN LÃO  TRƯỜNG THCS THÁI SƠN | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I**  **NĂM HỌC 2023 – 2024** |
|  | **MÔN: NGỮ VĂN 8**  *Thời gian làm bài: 90 phút* |

**A.MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngắn |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Thơ sáu chữ, bảy chữ | **4** | **0** | **4** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Bài văn kể lại một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***20*** | ***5*** | ***20*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ (%)** | | | **25** | | **35** | | **30** | | **10** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**B.BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1.** | **Đọc hiểu** | Truyện ngắn | **Nhận biết:**  - Nhận biết đề tài, bối cảnh, chi tiết tiêu biểu.  - Nhận biết được nhân vật, cốt truyện, tình huống, các biện pháp xây dựng nhân vật.  - Nhận biết được các trợ từ, thán từ, thành phần biệt lập, các loại câu phân loại theo mục đích giao tiếp.  **Thông hiểu**:  - Phân tích được tình cảm, thái độ của người kể chuyện.  - Phân tích được vai trò, tác dụng của cốt truyện đơn tuyến và cốt truyện đa tuyến.  - Hiểu và lí giải được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản.  - Xác định được nghĩa của một số thành ngữ thông dụng; sắc thái nghĩa của từ ngữ và việc lựa chọn từ ngữ; tác dụng của từ tượng thanh, từ tượng hình, biện pháp đảo ngữ, câu hỏi tu từ được sử dụng trong văn bản.  - Xác định được nghĩa tường minh và hàm ý; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt đó được sử dụng trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả qua văn bản.  - Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, nhận thức của bản thân sau khi đọc văn bản.  - Vận dụng những hiểu biết về vai trò của tưởng tượng trong tiếp nhận văn học để đánh giá giá trị của tác phẩm |  |  |  |  |
|  | Thơ sáu chữ, bảy chữ | **Nhận biết**  - Nhận biết được những dấu hiệu về hình thức để phân biệt các thể thơ: số tiếng trong câu, số câu, cách gieo vần, tạo nhịp, đối ngẫu. Nhận biết một số thủ pháp nghệ thuật chính của thơ trào phúng.  - Nhận biết được đặc điểm ngôn ngữ, đề tài, giọng điệp, nhịp điệu trong bài thơ; nhận biết được các yếu tố trào phúng trong thơ.  - Nhận biết được hình ảnh, biểu tượng tiêu biểu và nhân vật trữ tình trong bài thơ.  - Nhận biết được các trợ từ, thán từ, thành phần biệt lập trong văn bản.  **Thông hiểu**  - Phân tích được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình; cảm hứng chủ đạo của tác giả trong bài thơ.  - Nêu được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của bài thơ dựa trên những yếu tố hình thức nghệ thuật.  - Phân tích được tác dụng của một số thủ pháp nghệ thuật thơ trào phúng; vai trò, ý nghĩa của một số yếu tố hình thức thơ Đường luật như: bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối.  - Phân tích được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, bố cục.  - Xác định được nghĩa của một số thành ngữ thông dụng; sắc thái nghĩa của từ ngữ và việc lựa chọn từ ngữ; tác dụng của từ tượng thanh, từ tượng hình, các biện pháp tu từ được sử dụng trong văn bản.  - Xác định được nghĩa tường minh và hàm ý; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt đó được sử dụng trong văn bản.  **Vận dụng**  - Nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả qua bài thơ.  - Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, nhận thức của bản thân sau khi đọc văn bản.  - Thể hiện được thái độ tôn trọng và học hỏi cách tiếp nhận của người khác trong đọc hiểu văn bản thơ. | 4 TN | 4TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | 1. Kể lại một chuyến đi hay một hoạt động xã hội để lại ấn tượng sâu sắc. | **Nhận biết:** Nhận biết được yêu cầu của đề về kiểu văn bản tự sự  **Thông hiểu:** Viết đúng về nội dung, về hình thức (từ ngữ, diễn đạt, bố cục văn bản)  **Vận dụng:** Viết được bài văn tự sự  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn kể lại một chuyến đi hay một hoạt động xã hội. Thể hiện được những ấn tượng, suy nghĩ và tình cảm sâu sắc. Sử dụng hiệu quả yếu tố miêu tả, biểu cảm trong văn bản. |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **4 TN** | **4TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| **Tỉ lệ %** | | |  | **25** | **35** | **30** | **10** |
| **Tỉ lệ chung (%)** | | |  | **60** | | **40** | |

**C.ĐỀ KIỂM TRA**

**Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)**

***Đọc bài thơ sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới:***

**CỬA SÔNG**

|  |  |
| --- | --- |
| Là cửa nhưng không then khóa  Cũng không khép lại bao giờ  Mênh mông một vùng sóng nước  Mở ra bao nỗi đợi chờ.    Nơi những dòng sông cần mẫn  Gửi lại phù sa bãi bồi  Để nước ngọt ùa ra biển  Sau cuộc hành trình xa xôi.    Nơi biển tìm về với đất  Bằng con sóng nhớ bạc đầu  Chất muối hòa trong vị ngọt  Thành vũng nước lợ nông sâu. | Nơi cá đối vào đẻ trứng  Nơi tôm rảo đến búng càng  Cần câu uốn cong lưỡi sóng  Thuyền ai lấp lóa đêm trăng.    Nơi con tàu chào mặt đất  Còi ngân lên khúc giã từ  Cửa sông tiễn người ra biển  Mây trắng lành như phong thư.    Dù giáp mặt cùng biển rộng  Cửa sông chẳng dứt cội nguồn  Lá xanh mỗi lần trôi xuống  Bỗng… nhớ một vùng núi non  (theo Quang Huy) |

**Câu 1.** **Bài thơ trên thuộc thể thơ nào?**

A. Bốn chữ B. Năm chữ C. Sáu chữ D. Bảy chữ

**Câu 2.** **Trong khổ thơ đầu, tác giả dùng những từ ngữ nào để nói về cửa sông?**

A. Không then khóa, vùng sóng nước, mở ra

B. Không then khóa, không khép lại, mênh mông sóng nước, nỗi đợi chờ

C. Không khép lại, vùng sóng nước

D. Không khép lại, vùng sóng nước, nỗi đợi chờ

**Câu 3. Dấu chấm lửng ở khổ thơ cuối có tác dụng:**

1. Tỏ ý còn nhiều nội dung chưa liệt kê hết
2. Thể hiện lời nói bỏ dở, ngập ngừng ngắt quãng
3. Làm giãn nhịp điệu câu thơ, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ, hài hước
4. Tất cả các đáp án trên đều dúng

**Câu 4.** **Trong khổ thơ cuối, tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ nào?**

A. Nhân hóa B. Liệt kê C. So sánh D. Điệp từ

**Câu 5.** **Đâu không phải là đặc điểm của cửa sông?**

A. Nơi biển cả tìm về với đất liền

B. Nơi nước ngọt chảy vào biển rộng

C. Nơi nước ngọt của những con sông và nước mặn của biển hòa lẫn vào nhau.

D. Nơi những người thân được gặp lại nhau

**Câu 6.** **Khổ thơ cuối nói lên điều gì về tấm lòng của sông?**

A. sông không bao giờ quên cội nguồn B. sông không bao giờ quên biển

C. sông không bao giờ xa biển D. sông luôn gắn bó với núi non

**Câu 7.** **Phép nhân hóa ở khổ thơ cuối giúp tác giả nói lên điều gì về “tấm lòng” của cửa sông đối với cội nguồn?**

A. “Tấm lòng” của cửa sông muốn quên đi cội nguồn để vươn ra biển lớn.

B. “Tấm lòng” của cửa sông đã dứt được cội nguồn để vươn ra biển lớn.

C. “Tấm lòng” của cửa sông không muốn xa rời cội nguồn.

D. “Tấm lòng” của cửa sông ân hận vì đã rời xa cội nguồn.

**Câu 8. Ý nghĩa của bài thơ Cửa sông?**

A. Miêu tả trình tự sông chảy ra biển, hồ hoặc một dòng sông khác tại cửa sông.

B. Cho thấy cửa sông là một nơi rất độc đáo, thú vị.

C. Qua hình ảnh cửa sông, tác giả ngợi ca tình cảm thủy chung, luôn nhớ về cội nguồn.

D. Cho nên mọi vùng biển đều bắt nguồn từ sông.

**Câu 9**(1,0 điểm). Qua đoạn trích, tác giả muốn gửi gắm đến chúng ta thông điệp gì?

**Câu 10**(1,0 điểm)**.**Viết đoạn văn khoảng 6-8 câu, trình bày suy nghĩ của em về tình yêu quê hương đất nước có sử dụng ít nhất một trợ từ hoặc thán từ. Gạch chân dưới trợ từ hoặc thán từ đó.

**PHẦN II. Viết (4,0 điểm)**

Kể lại một chuyến đi hay một hoạt động xã hội để lại ấn tượng sâu sắc trong em.

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | C | 0,5 |
| **2** | B | 0,5 |
| **3** | C | 0,5 |
| **4** | A | 0,5 |
| **5** | D | 0,5 |
| **6** | A | 0,5 |
| **7** | C | 0,5 |
| **8** | C | 0,5 |
| **9** | Học sinh có thể diễn đạt khác nhau nhưng đảm bảo các ý chính sau:  - Thông điệp về lòng chung thuỷ, son sắc  - Thông điệp về tấm lòng luôn hướng về cội nguồn, không quên cội nguồn…  **- Điểm 1,0:** Trả lời được 02 ý.  **- Điểm 0,5:** Trả lời được 01 ý hoặc chạm 2 ý.  **- Điểm 0:** Không trả lời hoặc trả lời sai hoàn toàn. | 1,0 |
| **10** | **- Điểm 0,5:** Viết đoạn văn có nội dung trình bày suy nghĩ về tình yêu quê hương, đất nước  **- Điểm 0,5:** Đúng hình thức đoạn văn, sử dụng trợ từ hoặc thán từ.  **- Điểm 0:** Không trả lời hoặc trả lời sai hoàn toàn.  (**Lưu ý:** *Hs có cách diễn đạt khác, hợp lý vẫn tính điểm*)*.* | 1,0 |
| **II** | **LÀM VĂN** | | |
| **1.Yêu cầu chung:**HS kết hợp được kiến thức và kĩ năng để viết bài văn tự sự. Bài viết phải có bố cục ba phần (mở bài, thân bài, kết bài) đầy đủ, rõ ràng; đúng kiểu bài tự sự; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp. | | |
| **2. Yêu cầu cụ thể** | | |
| *2.1.Bố cục:* | Có bố cục 3 phần đầy đủ, rõ ràng. | 0,25 |
| *2.2. Nội dung bài viết theo bố cục* | **Mở bài:**  Giới thiệu khái quát :  -Em đã đi đâu hoặc tham hoạt động xã hội nào?  - Mục đích và lí do của chuyến đi hoặc hoạt động xã hội  mà em đã tham gia | 0,25 |
| **Thân bài:**  1.  Kể về hình thức tổ chức chuyến đi hoặc hoạt động xã hội (thành phần tham gia, thời gian, địa điểm, phương tiện…).  2. Kể về quá trình của chuyến đi hoặc quá trình tiến hành hoạt động (bắt đầu, hoạt động chính, kết thúc).  3. Nêu kết quả của chuyến đi hoặc hoạt động xã hội (về vật chất và về tinh thần) | 0,5  1,0  0,5 |
| **Kết bài:** Khẳng định ý nghĩa và rút ra bài học sau khi tham gia chuyến đi hoặc hoạt động xã hội. | 0,25 |
| *2.3.Ngôi kể* | Xác định được ngôi kể phù hợp, nhất quán. | 0,25 |
| *2.4. Kết hợp phương thức biểu đạt* | Kết hợp giữa yếu tố tự sự và miêu tả, biểu cảm hợp lí. | 0,25 |
| *2.5.Sáng tạo* | Kể chuyện sáng tạo, linh hoạt, hấp dẫn vẫn đảm bảo được tính chân thực | 0,25 |
| *2.6.Chữ viết, chính tả, trình bày* | Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu, trình bày sạch đẹp | 0,25 |
| *2.7. Liên kết câu, đoạn văn.* | Bài viết có sự liên kết chặt chẽ cả về nội dung và hình thức. | 0,25 |

**XÁC NHẬN CỦA BGH DUYỆT CỦA TỔ CM NGƯỜI RA ĐỀ**

**Dư Thị Khiến Ngô Thị Thu**